

Bản án số: 141/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 4- 2024

V/v: Tranh chấp "ly hôn, nuôi
con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Ngọc Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

2. Bà Trần Ngọc Diệp

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 648/2023/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXX-ST, ngày 05 tháng 03 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 592, M, phường Q, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Danh Trần Hoài T, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2023 nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc V trình bày:

Chị và chồng là anh Danh Trần Hoài T tự quen biết nhau và tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 25/02/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, thường xuyên cãi vả liên tục, mất dần tình cảm hạnh phúc gia đình. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Chị V khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với anh T. Về con chung anh, chị chung sống có 01 người con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 12/7/2011, hiện đang sống với anh T, chị V đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Danh Trần Hoài T có ý kiến:

Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn với chị V. Về con chung có 01 người con chung Trần Ngọc T1, sinh ngày 12/7/2011, anh T đồng ý tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Danh Trần Hoài T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp S, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, chị V, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị V, anh T theo quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh T kết hôn vào năm 2011 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh T cũng đồng ý ly hôn với chị V. Các vấn đề của vụ án các bên đã thỏa thuận được, tuy nhiên chị V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng do đi làm ăn xa, anh T cũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó Tòa án không thể ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị V yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị V, anh T chung sống có 01 người con chung là Trần Ngọc Thoại, sinh ngày 12/7/2011, chị V giao cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét thấy từ khi ly thân đến nay thì cháu Ngọc Thoại sống chung với anh T nên HĐXX thống nhất giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Chị V, anh T xác định không có nên HĐXX không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Ngọc V được ly hôn với anh Danh Trần Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T1, sinh ngày 12/7/2011 cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002220 ngày 06/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Cơ quan thực hiện việc Đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Ngọc Luân